

Số:19

Ngày 18/5/2020

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

- 1. Cần xây dựng các quy định khắc phục tình trạng đầu tư “chui”, đầu tư “núp bóng”.*
- 2. Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban sông Mê Công Việt Nam.*
- 3. Thí điểm giao nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy cho bảo vệ dân phố từ Quý I/2021.*
- 4. Các cơ quan công sở đảm bảo tiết kiệm tối thiểu 5% tổng điện năng tiêu thụ trong năm.*
- 5. Tái cấp vốn 16.000 tỷ đồng với lãi suất 0% hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng Covid-19.*
- 6. Thời hạn vay ngân quỹ Nhà nước của ngân sách trung ương tối đa 12 tháng.*
- 7. Phát động Chương trình “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam”.*

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị định quy định về tuổi nghỉ hưu và điều kiện hưởng lương hưu.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- 1. Các trường hợp nào được miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải?*
- 2. Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được quy định như thế nào?*
- 3. Số phí bảo vệ môi trường phải nộp được xác định như thế nào đối với nước thải sinh hoạt?*
- 4. Quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được quy định như thế nào?*

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. CẦN XÂY DỰNG CÁC QUY ĐỊNH KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG ĐẦU TƯ “CHUI”, ĐẦU TƯ “NÚP BÓNG”

Ngày 27/4/2020, Chính phủ đã ra Nghị quyết 58/NQ-CP về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

Cụ thể, nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết 50-NQ/TW khóa XII đề ra, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây: Phát huy thế mạnh của hoạt động đầu tư nước ngoài trong phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm; thực hiện công khai, minh bạch và ngăn ngừa, khắc phục có hiệu quả những hạn chế của hoạt động đầu tư nước ngoài ở tất cả các ngành, lĩnh vực và địa phương. Chủ động nâng cao chất lượng thu hút và hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài tại địa phương, để trở thành một trong các thước đo đánh giá năng lực và trách nhiệm của người đứng đầu, đồng thời là chỉ số đánh giá xếp hạng hiệu quả đầu tư nước ngoài của địa phương. Tăng cường ổn định chính trị xã hội và kinh tế vĩ mô; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao năng suất, chất

lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế

Cụ thể, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần nghiên cứu bổ sung quy định “điều kiện về quốc phòng, an ninh” trong quá trình xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc các văn bản có giá trị pháp lý tương đương) đối với dự án đầu tư mới và quá trình xem xét, chấp thuận đối với hoạt động đầu tư thông qua hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp. Bộ cần nghiên cứu, xây dựng các quy định khắc phục tình trạng “vốn mông”, đầu tư “chui”, đầu tư “núp bóng”. Xây dựng các tiêu chí về đầu tư (về suất đầu tư, sử dụng lao động, công nghệ, môi trường, giá trị gia tăng nội địa, khả năng liên kết, lan tỏa, tham gia các chuỗi giá trị quốc tế,...) để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với chiến lược, quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn để ban hành kèm theo Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư. Dự thảo quy định về không xem xét mở rộng, gia hạn hoạt động đối với những dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên để bổ sung vào Luật Đầu tư (sửa đổi).

Chính phủ giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu hướng dẫn Luật Quản lý thuế và sửa đổi, bổ sung các quy định về chống chuyển giá trong quản lý thuế. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương chủ trì hoàn thiện các quy định về chống độc quyền phù hợp với thông lệ quốc tế.

Ngoài ra, các Bộ, ngành và địa phương cần xử lý nghiêm tình trạng thực hiện thể chế, chính sách thiếu thống nhất giữa trung ương và địa phương, giữa các địa phương; Nghiêm cấm việc cấp, điều chỉnh, quản lý, đàm phán dự án đầu tư nước ngoài, ban hành quy định ưu đãi, hỗ trợ đầu tư... trái thẩm quyền. Đồng thời, xử lý dứt điểm các dự án gây ô nhiễm môi trường, sử dụng đất không hiệu quả, kinh doanh thua lỗ nhiều năm.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 27/4/2020.

2. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA ỦY BAN SÔNG MÊ CÔNG VIỆT NAM

Ngày 08/5/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 619/QĐ-TTg về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban sông Mê Công Việt Nam.

Theo đó, Ủy ban sông Mê Công Việt Nam là tổ chức phối hợp liên ngành, giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, quản lý các hoạt động liên ngành, liên tỉnh, liên quốc gia nhằm quản lý và sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên nước và các tài nguyên liên quan trên Lưu vực sông Mê Công, bao gồm cả các Lưu vực sông Cửu Long và sông Sê San - Srêpôk của Việt Nam, theo quy định của Hiệp định Hợp tác Phát triển Bền vững Lưu vực sông Mê Công, Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan. Ủy ban sông Mê Công Việt Nam được sử dụng con dấu hình quốc huy và có tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Ủy ban sông Mê Công Việt Nam do Chủ tịch là Phó Thủ tướng Chính phủ lãnh đạo. Giúp việc cho Chủ tịch có Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Ủy viên Hội đồng Ủy hội sông Mê Công quốc tế của Việt Nam - Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Phó Chủ tịch là Thứ trưởng các Bộ: Ngoại giao, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Các Ủy viên bao gồm Thứ trưởng các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải... và đại diện một số cơ quan, tổ chức khác.

Ủy ban sông Mê Công Việt Nam có nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành, liên quốc gia trên Lưu vực sông Mê Công. Đồng thời giúp Thủ tướng chỉ đạo, điều hòa, phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, đối tác quốc tế, khu vực, trong nước và các cá nhân có liên quan. Ngoài ra, Ủy ban còn có trách nhiệm đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương thực hiện các Hiệp định, chương trình, dự án liên quan...

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 08/5/2020.

3. THÍ ĐIỂM GIAO NHIỆM VỤ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY CHO BẢO VỆ DÂN PHỐ TỪ QUÝ I/2021

Ngày 11/5/2020, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định 630/QĐ-TTg về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Theo đó, Bộ Công an được giao nhiệm vụ chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương phối hợp chặt chẽ với cơ quan thông tin đại chúng xây dựng, đăng, phát tin, bài, phóng sự tuyên truyền công tác bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; hướng dẫn người dân biện pháp phòng cháy, chữa cháy và thoát nạn khi có cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra; biểu dương người tốt, việc tốt trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; thông báo công khai các dự án, công trình vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cơ quan, tổ chức và người dân cùng tham gia giám sát (thực hiện từ năm 2020 và các năm tiếp theo). Chủ trì, phối hợp cùng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện “Thí điểm giao nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy cho lực lượng bảo vệ dân phố, lực lượng làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở” từ Quý I/2021. Tích cực xây dựng phong trào Toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gắn với xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (thực hiện từ năm 2020 và các năm tiếp theo).

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cũng cần tiến hành xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy sâu rộng, với phương châm “bốn tại chỗ” (lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, chỉ huy tại chỗ và hậu cần tại chỗ) từ năm 2020. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về phòng cháy, chữa cháy cho mọi tầng lớp nhân dân; đổi mới nội dung, hình

thức, biện pháp, phương pháp tuyên truyền nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức pháp luật, kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy, kỹ năng thoát nạn, sử dụng các phương tiện, thiết bị chữa cháy ban đầu; phát hành cẩm nang, tờ rơi phổ biến kiến thức bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy tới các hộ gia đình, người lao động

Bên cạnh đó, Thủ tướng cũng yêu cầu các Bộ, ngành, cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ khác như: hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, giáo dục pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; xây dựng chiến lược, kế hoạch, phương án phòng cháy, chữa cháy; nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy...

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 11/5/2020.

4. CÁC CƠ QUAN CÔNG SỞ ĐẢM BẢO TIẾT KIỆM TỐI THIỂU 5% TỔNG ĐIỆN NĂNG TIÊU THỤ TRONG NĂM

Đây là nội dung được đề cập tại Chỉ thị 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020 - 2025. Theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, các tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống chiếu sáng cho mục đích quảng cáo, trang trí ngoài trời chủ trì, phối hợp với cơ sở cung cấp điện xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch tiết kiệm điện, theo đó, phải

đảm bảo tối thiểu tiết kiệm 20% tổng điện năng tiêu thụ trong giai đoạn 2020 - 2025 cho các hoạt động chiếu sáng trên. Áp dụng các giải pháp quản lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chiếu sáng công cộng; thay thế các đèn trang trí, đèn chiếu sáng, đèn quảng cáo bằng đèn tiết kiệm điện; áp dụng công nghệ điều khiển tự động trong chiếu sáng công cộng, chiếu sáng cho mục đích quảng cáo, trang trí ngoài trời. Triển khai các giải pháp công nghệ tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, sử dụng thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện cho 100% công trình chiếu sáng công cộng chuẩn bị đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp. Các nhà hàng, khách sạn, cơ sở dịch vụ thương mại, tổ hợp văn phòng và tòa nhà chung cư giảm 50% công suất chiếu sáng quảng cáo trang trí ngoài trời vào cao điểm buổi tối của hệ thống điện theo yêu cầu của cơ quan điện lực sở tại.

Đối với các cơ quan công sở phối hợp với cơ quan điện lực sở tại xây dựng và tổ chức triển khai kế

hoạch tiết kiệm điện cho đơn vị mình, đảm bảo hằng năm tiết kiệm tối thiểu 5% tổng điện năng tiêu thụ trong năm. Phổ biến, quán triệt việc thực hiện tiết kiệm điện tới toàn thể người lao động, đưa nội dung tiết kiệm điện vào chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chấp hành kỷ luật nội bộ và thi đua khen thưởng hằng năm.

Với hộ gia đình thường xuyên thực hành hành vi sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả tại gia đình như: tắt các thiết bị điện khi ra khỏi phòng, cắt hẳn nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị điện; chỉ sử dụng điều hòa nhiệt độ khi thật cần thiết; ưu tiên mua sắm các phương tiện, thiết bị điện hiệu suất cao hoặc thiết bị điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng; hạn chế tối đa sử dụng bóng đèn sợi đốt; lắp đặt và sử dụng hệ thống điện mặt trời trên mái nhà, hệ thống đun nước nóng từ năng lượng mặt trời.

Chỉ thị có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07/5/2020.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. TÁI CẤP VỐN 16.000 TỶ ĐỒNG VỚI LÃI SUẤT 0% HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG COVID-19

Ngày 07/5/2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư 05/2020/TT-NHNN quy định về tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính

sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Cụ thể, tổng số tiền tái cấp vốn tối đa là 16.000 tỷ đồng với mức lãi suất tái cấp vốn là 0%/năm, lãi suất tái cấp vốn quá hạn là 0%/năm, thời hạn tái cấp vốn là 364 ngày, kể từ ngày tiếp theo liền kề ngày Ngân hàng Nhà nước giải ngân tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội. Thời hạn giải ngân tái cấp vốn từ ngày ký kế ước nhận nợ đầu tiên

đến hết ngày 31/7/2020. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tái cấp vốn không có tài sản bảo đảm đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

Khi khoản vay tái cấp vốn đến hạn, Ngân hàng Chính sách xã hội phải trả hết nợ gốc vay tái cấp vốn đã được giải ngân theo quy định cho Ngân hàng Nhà nước từ tiền trả nợ của người sử dụng lao động vay vốn. Trường hợp đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2020, Ngân hàng Chính sách xã hội không giải ngân hết số tiền đã nhận giải ngân theo quy định Ngân hàng Chính sách xã hội phải trả Ngân hàng Nhà nước số tiền không giải ngân hết theo thứ tự từ Khế ước nhận nợ còn dư nợ được ký sớm nhất. Trường hợp phát hiện Ngân hàng Chính sách xã hội có tiền trả nợ của người sử dụng lao động mà không trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định Ngân hàng Nhà nước áp dụng biện pháp xử lý như sau: áp dụng lãi suất bằng lãi suất cho vay quá hạn của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với người sử dụng lao động; trích tài khoản tiền gửi của Ngân hàng Chính sách xã hội tại Ngân hàng Nhà nước để thu hồi số tiền vay tái cấp vốn mà Ngân hàng Chính sách xã hội chưa trả đúng và tiền lãi quy định trong thời hạn 05 ngày làm việc.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 07/5/2020.

6. THỜI HẠN VAY NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TỐI ĐA 12 THÁNG

Ngày 13/4/2020, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 23/2020/TT-BTC về việc quy định tạm ứng, vay ngân quỹ Nhà nước của ngân sách Nhà

nước. Mục đích của việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước để xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách trung ương. Vay ngân quỹ nhà nước để bù đắp bội chi của ngân sách trung ương cho đầu tư phát triển trong phạm vi mức bội chi của ngân sách trung ương được Quốc hội quyết định hằng năm. Vay ngân quỹ nhà nước để trả nợ gốc các khoản vay của ngân sách trung ương trong phạm vi mức chi trả nợ gốc của ngân sách trung ương được Quốc hội quyết định hằng năm.

Thời hạn vay ngân quỹ Nhà nước của ngân sách trung ương do Bộ Tài chính quyết định nhưng tối đa là 12 tháng, kể từ ngày Hợp đồng cho vay ngân quỹ Nhà nước có hiệu lực. Đối với các khoản vay ngân quỹ Nhà nước, thời hạn rút vốn chậm nhất là ngày 31/12 của năm phát sinh khoản vay. Sau thời hạn này, khoản vay ngân quỹ Nhà nước sẽ hết hạn rút vốn và bị hủy bỏ.

Ngoài ra, việc hoàn trả khoản vay ngân quỹ Nhà nước cũng có thể được xem xét gia hạn trong trường hợp ngân sách trung ương có khó khăn, chưa bố trí được nguồn để hoàn trả. Thời gian gia hạn tối đa là 12 tháng, kể từ ngày đến hạn hoàn trả khoản vay theo quy định tại Hợp đồng cho vay ngân quỹ Nhà nước. Việc đề nghị gia hạn khoản vay này phải được tiến hành trước ngày đến hạn hoàn trả ít nhất 20 ngày làm việc.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/6/2020.

7. PHÁT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH “NGƯỜI VIỆT NAM ĐI DU LỊCH VIỆT NAM”

Triển khai Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 trong tình hình mới và trong bối cảnh Việt Nam cơ bản đẩy lùi được dịch Covid-19, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch số 1749/KH-BVHTTDL ngày 08/5/2020 phát động Chương trình “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam” với các nội dung chính như sau:

Kích cầu du lịch nội địa, tạo điều kiện để người dân du lịch tới các vùng miền trong cả nước trong bối cảnh bình thường mới sau dịch Covid-19. Thu hút sự vào cuộc tích cực của các địa phương, hãng hàng không, doanh nghiệp liên quan du lịch nhằm khôi phục thị trường nội địa. Đồng thời vẫn phải đảm bảo các quy định, điều kiện về an toàn phòng chống dịch cho khách du lịch, người lao động và cộng đồng người dân địa phương.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Kế hoạch đề ra các nhiệm vụ chính: đẩy mạnh hoạt động truyền thông: Quảng bá các điểm đến, sản phẩm du lịch hấp dẫn; việc các địa phương mở cửa lại du lịch, đảm bảo an toàn phòng chống dịch và sự sẵn sàng đón tiếp khách du lịch; xây dựng, triển khai các gói kích cầu du lịch giới thiệu các gói sản phẩm, dịch vụ du lịch chất lượng với giá hợp lý kèm theo những ưu đãi và cam kết của các nhà cung cấp dịch vụ theo chương trình du lịch trọn gói hoặc từng phần dịch vụ.

Cụ thể, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các địa

phương và các bên liên quan tổ chức phát động Chương trình “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam” theo Kế hoạch này tại một số địa bàn du lịch trọng điểm, nhằm thu hút sự vào cuộc của các hiệp hội, doanh nghiệp và các đối tác; thực hiện truyền thông để các bên và du khách có thông tin, tham gia tích cực. Phối hợp với các địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp, các hãng hàng không xây dựng các gói sản phẩm kích cầu hấp dẫn nhằm thu hút khách du lịch nội địa.

Các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức phát động Chương trình “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam” trên địa bàn. Thông tin rộng rãi về việc mở cửa các điểm du lịch, về mức độ an toàn, sẵn sàng thu hút khách du lịch; đồng thời xây dựng các quy định, hướng dẫn đảm bảo an toàn cho hoạt động du lịch, khách du lịch, người lao động và cộng đồng người dân địa phương. Có chính sách hỗ trợ, miễn, giảm phí, lệ phí tham quan tại các di tích, điểm tham quan, bảo tàng, điểm du lịch do địa phương quản lý, góp phần giảm giá thành, tăng hấp dẫn các gói kích cầu du lịch. Các hãng hàng không, doanh nghiệp vận tải du lịch xem xét có chính sách giảm giá vé; cùng với các doanh nghiệp du lịch, điểm đến xây dựng các chương trình du lịch trọn gói, có chất lượng, với giá ưu đãi nhằm kích cầu du lịch nội địa.

Thời gian triển khai Kế hoạch từ ngày 01/6 đến ngày 31/12/2020.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ TUỔI NGHỈ HƯU VÀ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG LƯƠNG HƯU

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đang lấy ý kiến góp ý về dự thảo Nghị định quy định về tuổi nghỉ hưu và điều kiện hưởng lương hưu. Dự thảo gồm 9 Điều quy định chi tiết Điều 169 của Bộ luật Lao động đưa ra lộ trình cụ thể cho tuổi nghỉ hưu từ năm 2021 áp dụng với người lao động theo tháng, năm sinh.

Theo đó, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình, kể từ năm 2021 tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam cho đến khi đủ 62 tuổi vào năm 2028 và cứ mỗi năm tăng thêm 04 tháng đối với lao động nữ cho đến đủ 60 tuổi vào năm 2035. Người lao động bị suy giảm khả năng lao động; làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Việc nghỉ hưu ở tuổi cao hơn được kế thừa quy định tại Nghị định số 53/2015/NĐ-CP và quy định chi tiết khoản 4 Điều 169 của Bộ luật Lao động 2019 bảo đảm người lao động được nghỉ hưu ở tuổi cao hơn tối đa 5 năm. Như vậy, cùng với lộ trình tăng tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường, tuổi nghỉ hưu cao hơn cũng tăng lên tương ứng, không vượt quá 67 tuổi đối với nam vào năm 2028 và không vượt quá 65 tuổi đối với nữ vào năm 2035. Cơ quan có thẩm quyền quyết định thời gian nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức theo quy định nhưng phải bảo đảm tuổi nghỉ hưu đối với các trường hợp này không quá 5 tuổi tại thời điểm nghỉ hưu. Việc quyết định nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với đối tượng quy định tại trong dự thảo này phải bảo đảm các nguyên tắc, điều kiện: khách quan, công bằng, công khai và đúng quy định; cơ quan có nhu cầu sử dụng; cá nhân có nguyện vọng, đủ sức khỏe và không đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật, bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc thi hành kỷ luật về đảng, chính quyền. Trong thời gian thực hiện chính sách nghỉ hưu ở tuổi cao hơn, nếu cán bộ, công chức có nguyện vọng nghỉ làm việc, được giải quyết chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật, không phụ thuộc vào điều kiện về tuổi hưởng lương hưu tại thời điểm nghỉ hưu.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Các trường hợp nào được miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải?

Trả lời: Theo Điều 5, Nghị định số 53/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 05/5/2020 quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải nêu rõ Miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong các trường hợp sau: nước xả ra từ các nhà máy thủy điện; nước biển dùng vào sản xuất muối xả ra; nước thải sinh hoạt (Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở các xã; Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở các phường, thị trấn chưa có hệ thống cấp nước sạch; Hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh ở các phường, thị trấn đã có hệ thống cấp nước sạch tự khai thác nước sử dụng); nước làm mát (theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường) không trực tiếp tiếp xúc với các chất gây ô nhiễm, có đường thoát riêng; nước thải từ nước mưa tự nhiên chảy tràn; nước thải từ các phương tiện đánh bắt thủy sản của ngư dân; nước thải của các hệ thống xử lý nước thải tập trung khu đô thị đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo quy định trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

2. Hỏi: Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được quy định như thế nào?

Trả lời: Theo Khoản 1, Điều 6 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 05/5/2020 quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải nêu rõ Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cần

áp dụng mức phí cao hơn, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức phí cụ thể cao hơn đối với từng đối tượng chịu phí.

3. Hỏi: Số phí bảo vệ môi trường phải nộp được xác định như thế nào đối với nước thải sinh hoạt?

Trả lời: Theo Khoản 1, Điều 7 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 05/5/2020 quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải nêu rõ Số phí bảo vệ môi trường phải nộp đối với nước thải sinh hoạt được xác định như sau:

Số phí nộp (đôn g)	Số lượng nước sạch sử dụng (m ³)	Giá bán nước sạch (đồng/ m ³)	Mức thu phí
	=	x	x

Trong đó:

- Số lượng nước sạch sử dụng được xác định theo đồng hồ đo lượng nước sạch tiêu thụ của người nộp phí. Trường hợp tự khai thác nước, số lượng nước sạch sử dụng xác định căn cứ vào quy mô hoạt động, kinh doanh, dịch vụ hoặc giấy phép khai thác nước mặt, nước dưới đất do tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự kê khai và thẩm định của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn.

- Giá bán nước sạch là giá bán nước (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) của tổ chức cung cấp nước sạch áp dụng trên địa bàn.

- Mức thu phí được quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này..

4. Hỏi: *Quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được quy định như thế nào?*

Trả lời: Theo Khoản 1, Điều 9 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 05/5/2020 quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải nêu rõ để lại 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho tổ chức cung cấp nước sạch và 25% cho Ủy ban nhân dân phường, thị trấn để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp chi phí tổ chức thu thấp hơn tỷ lệ để lại này, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc

trung ương quyết định mức tỷ lệ để lại cụ thể phù hợp nhưng tối đa không quá 10% đối với tỷ lệ để lại cho tổ chức cung cấp nước sạch và tối đa không quá 25% đối với tỷ lệ để lại cho Ủy ban nhân dân phường, thị trấn. Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức cung cấp nước sạch. Tổ chức cung cấp nước sạch kê khai, nộp thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp) theo quy định pháp luật về thuế và quyết định việc quản lý, sử dụng tiền phí để lại (không phải thực hiện chuyên nguồn theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí)/.